

Thuốc lá, thuốc lào

Đông Phong Nguyễn Tấn Hưng

Những người nghiện thuốc lá như tôi rất thích về Việt Nam vì còn được tự do hút thuốc khắp mọi nơi mà không bị kỳ thị phiền phức như ở Âu Châu, ở Mỹ, hay ở Hương Cảng, v.v...

Hôm nay, để quên trong chốc lát những luật lệ cấm thuốc lá càng ngày càng *paranoïaques* ở đây (Pháp), tôi viết *tào lao* kể ít giai thoại liên quan tới thuốc lá.

Cây thuốc lá thuộc chi (genre) *Nicotiana*, họ (famille) *Solanaceæ* (cùng họ với khoai tây, cà, hoa *pétunia*...). Hiện giờ có hai giống thông dụng : *Nicotiana rustica* (thường được trồng ở các nước Đông Âu và chung quanh biển Méditerranée) và *Nicotiana tabacum* (tabac de Virginie).

Nguồn gốc thuốc lá là Nam Mỹ Châu và đã được dân bản xứ tiêu thụ từ hơn 3000 năm. Người Inca hay Aztèque thường dùng thuốc lá như một *thần dược* để liên lạc với thần linh.

Người Âu Châu đầu tiên đã được thưởng thức thuốc lá là Cristobal Colombo (1450-1506), người đã khám phá ra Mỹ Châu năm 1492. Khi tới Cuba ông được dân bản xứ mời hút thuốc với ống điếu rất dài mà họ gọi là *tobago*. Sau đó ông mang thuốc lá về Bồ Đào Nha. Nhưng ít ai biết dùng thuốc lá.

Năm 1556, Cha *franciscain* André Thévet (1502-1590)¹, sau một chuyến thám hiểm khảo sát tại Bra-xin (Brasil), đem thuốc lá về trồng trong vườn của ông tại Angoulême (Pháp quốc), và dùng thuốc lá làm một *thuốc bột*. Cha Thévet gửi biểu « thuốc » đó cho hoàng hậu Catherine de Médicis để chữa chứng nhức đầu (*migraine*) của hoàng tử con bà. Sau đó, thuốc lá trở thành một *dược liệu* rất quý để người Âu Châu trị nhiều bệnh như hen suyễn, ho, v.v..

Nhưng thời đó thuốc lá chưa được gọi là *tabac* hay *tabaco* / *tobacco*. Tên thông dụng là *petun* xuất gốc từ danh từ *petyma* của thổ dân guarani².

Ít lâu sau, Jean Nicot (1530-1600) phổ biến sự tiêu thụ thuốc lá sau khi ông đi sứ (1559) tại Lisboa (Bồ Đào Nha). Từ đó thuốc lá còn được gọi là *l'herbe de l'ambassadeur*, *Nicotiana*, *l'herbe à Nicot*, *l'herbe à la reyne* (về sau *alcaloïde* của thuốc lá cũng được gọi là *nicotine*³).

Dần dần hút thuốc lá trở nên một thứ khoái lạc thanh nhã trong giới thượng lưu ở Âu Châu⁴. Họ thường hút *ống điếu* (*pipe*) và *xì gà* (*cigare*), hay *hít mũi* (*priser*, *pétuner*). Không biết lối *nhai thuốc* (*chiquer*) xuất hiện từ thời nào.

Nhưng ngay từ đầu, đã có nhiều người chống đối thuốc lá : năm 1604 vua Anh quốc James I ra chỉ thị « *A Counterblaste to Tobacco* » : « *Smoking is a custom loathsome to the eye, hateful to the nose, harmful to the brain, dangerous to the lungs, and in the black, stinking fume thereof nearest resembling the horrible Stygian smoke of the pit that is bottomless* » ; năm 1642, giáo hoàng Urbain VIII cấm dùng thuốc lá và dọa *rút phép thông công* (*excommunier*) những người tiêu thụ.

¹ Xin xem http://fr.wikipedia.org/wiki/Andr%C3%A9_Th%C3%A9vet .

² Trong từ điển Larousse, 1999, tr. 772 : *Pétun* : (Vx, cũ) tabac, và *Pétuner* : Priser ou fumer du tabac.

³ Do Louis Nicolas Vauquelin tìm ra năm 1809.

⁴ Cf. bài ca dân gian nổi tiếng « J'ai du bon tabac dans ma tabatière... » của l'Abbé de l'Attaignant (1697-1779) (để xem bài hát này, xin mời bấm vào : http://fr.wikipedia.org/wiki/J'ai_du_bon_tabac).

Mặc dù có những sự ngăn cấm đó, thuốc lá trở thành một ngành kinh tế rất phong phú, đến nỗi hồng y giáo chủ Richelieu (1585-1642) lập *thuế thuốc lá* đầu tiên tại Pháp quốc (1629), và ông bộ trưởng Colbert (1619-1683) thiết lập *độc quyền quốc gia* (*monopole d'État*) về thuốc lá (1681). Sau đó kỹ nghệ thuốc lá càng ngày càng thịnh vượng, rồi lại phát minh ra *điếu thuốc lá* (*cigarette*) năm 1830 (sau được kỹ nghệ hóa năm 1843), và từ đó phát triển ra khắp thế giới⁵.

Còn tại Việt Nam thuốc lá đã có từ bao giờ ?

Theo G.S. Nguyễn Thế Anh⁶, thời thế kỷ XVII nước ta đã thu nhận được nhiều thực vật từ ngoại quốc đem tới trồng như ngô (bắp), đậu Hà lan, thuốc lá...

Thật vậy, trong Từ điển Việt - Bồ - La⁷ có ghi trên cột 785 :

thuốc Lào : *tabaco* (Bồ). *betum*⁸ (La). **ăn thuốc** : *tomar tabaco*. *betum haurire*. **hút thuốc** : *idem*.

Lê Khả Kế - Nguyễn Lân⁹ dịch *thuốc Lào* là « *tabac pour pipe à eau* » [thuốc để hút với điếu nước] ; « *tabac rustique* » [thuốc lá theo lối nông thôn, quê kệch].

Danh từ *thuốc lá* theo nghĩa *cigarette* không có trong từ điển Việt - Bồ - La (lẽ nhiên, thuốc lá-*cigarette* chỉ phát hiện bên Âu Mỹ từ năm 1830 như đã kể trên).

Ngoài ra, khi truyền giáo tại Đàng Trong (1618-1622), giáo sĩ Cristoforo Borri nhận xét vắn tắt là dân bản xứ biết dùng thuốc lá, tuy không nhiều bằng ăn trầu¹⁰. Nhưng giáo sĩ không cho biết nguồn gốc của thuốc lá dùng tại đây.

Vả lại từ nguyên (*étymologie*) của *thuốc Lào* và *thuốc lá* là thế nào ?

Trong từ điển Việt - Bồ - La, ta thấy :

Cột 784 : **thuốc** : *mezinha*. *pharmacum*, *medicina* [thuốc để chữa bệnh].

Cột 400 : **lào, nước Lào** : *reino dos laos* ; *laorum regnum* [*royaume des Lao*, vương quốc của người Lào]¹¹.

Như vậy *thuốc Lào* là thuốc ngoại được nhập khẩu qua đường Lào, và khi đầu có lẽ người ta gán cho loại thảo mộc này công hiệu chữa bệnh nào đó, thế nên mới gọi là *thuốc*.

Nhưng với Hán-Việt, thuốc lá-*tabac* được gọi là *yên* (煙)¹² hay *yên diệp* (煙葉)¹³.

⁵ Những thông tin trên được trích ra từ <http://www.la-cigarette.com/histoire.html> ; http://www.tobacco.org/resources/history/Tobacco_Historynotes.html#aa4 ; http://www.tabac.gouv.fr/IMG/pdf/Depliant_Petite_histoire_du_tabac.pdf.

⁶ Nguyễn Thế Anh, “Traditional Vietnam’s incorporation of external cultural and technical contributions : ambivalence and ambiguity”, in *Tonan Ajia Kenkyu* (Southeast Asia Studies) [Kyoto Univ.], 2003, 40(4), tr. 444-458.

⁷ Alexandre de Rhodes, *Dictionarium Annamiticum, Lusitanum, et Latinum*, Roma, 1651.

⁸ Viết trệch từ *petun*.

⁹ Lê Khả Kế - Nguyễn Lân, *Từ điển Việt-Pháp*, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1994, tr. 1383.

¹⁰ « On use aussi du tabac, mais pas autant que de bétel » (Cristoforo Borri, “Relation de la nouvelle mission des Pères de la Compagnie de Jésus au royaume de la Cochinchine” (1631), Traduction de l’italien et annotation par le lieutenant-colonel A. Bonifacy, *Bulletin des Amis du Vieux Huê*, N^{os} 3-4, t. XVIII, 1931, tr. 295).

¹¹ Thời thế kỷ XVII tên nước Laos chưa được thông dụng trong ngôn ngữ Tây Phương. Chẳng hạn, Cha Giovanni Filipo de Marini viết cuốn *Relation nouvelle et curieuse des royaumes de Tunquin et de Lao* (1666). Nhưng năm 1651, Cha Henry Albi là người đầu tiên dùng chữ *Laos* để dịch chữ *Y Lai* (pluriel de *Lao*), khi ông dịch tác phẩm của giáo sĩ Alexandre de Rhodes *Relazione de felici successi della santa fede predicata da patri della Compagnia di Giesu nel regno di Tunchino* sang Pháp ngữ thành tác phẩm *Histoire du royaume de Tunquin et des grands progrès que la prédication de l’Évangile y a faits en la conversion des Infidelles* (Lyon, 1651, tr. 2, 281).

¹² Anthony Trần Văn Kiệm, *Giúp đọc Nôm và Hán Việt*, NXB Thuận Hóa, Huế, 1999, tr. 963.

Để kết thúc bài viết này, xin dẫn đại học-giả Lê Quý Đôn (1773)¹⁴ :

« Sách *Thuyết-linh* chép : Thuốc lá (*yên diệp*) sản-xuất từ đất Mân¹⁵. Người ở biên giới bị bịnh hàn, nếu không có thứ này thì không trị được. Vùng quan-ngoại, thuốc lá rất quý, đến nỗi có người đem một con ngựa đổi lấy một cân thuốc lá.

Năm Quý-vị (1643) trong niên-hiệu Sùng-trinh, vua Tống Tư-Tông hạ lệnh cấm thuốc lá. Người nào trồng riêng cây thuốc thì bị tội đồ.

Nhưng phép thì nhẹ mà lợi thì to, nhân-dân không tuân theo chiếu lệnh của vua.

Rồi nhà vua lại ra lệnh : Ai phạm tội trồng cây thuốc thì bị chém đầu.

Nhưng binh sĩ ở biên giới mắc bịnh hàn không trị được. Chẳng bao lâu nhà vua phải đình chỉ lệnh cấm ấy.

Vùng Chiết-giang khắp nơi đều trồng cây thuốc lá, tuy là trẻ con bé tí-tí mà không đứa nào là không hút thuốc lá. Phong tục đời dần.

Sách ấy lại chép : Cây thuốc lá sản-xuất ở Lữ-tổng (Luçon)¹⁶ vốn tên là *đạm ba cô* (tobacco)¹⁷.

Sách *Xích kinh hoặc văn* chép : Nuốt thuốc hít khói có thể làm cho người ta say¹⁸.

Nước Nam ta lúc đầu không có cây thuốc lá ấy. Từ năm Canh-tý tức niên hiệu Vĩnh-thọ thứ 3 (1660) đời vua Lê Thành Tông nhằm niên-hiệu Thuận-trị thứ 16 đời vua Thanh Thế-tổ, người Ai-lao mới đem đến¹⁹, nhân-dân nước ta bắt đầu trồng cây thuốc lá. Quan dân đàn bà con gái tranh nhau hút thuốc lá, đến nỗi có câu « Có thể ba ngày không ăn, chớ không thể một giờ không hút thuốc lá ».

¹³ Bất Tiểu Nguyễn Quốc Bảo tiên sinh bổ túc : « Trong sách vở hay Hồ Liên Vông (Internet) Hoa ngữ, cũng thấy dùng từ Hán Việt *yên diệp* 煙葉 *yān yè* để chỉ lá thuốc *leaf tobacco*. Có hai chữ Hán Yên, Yên 菸 *yān* (bộ Thảo) là cây thuốc lá và Yên 煙 *yān* (bộ Hỏa) là khói. Thường thì, chữ Yên 菸 thường dùng để chỉ thuốc lá (cây) và chữ Yên 煙 để chỉ thuốc hút. Cho nên *le tabac* là Yên thảo. Nhưng đôi khi hai chữ Yên cũng dùng lẫn lộn như nhau, khó phân biệt. »

¹⁴ Lê quý Đôn, *Vân đài loại ngữ* (1773), Tập III, bản dịch quốc ngữ của Tạ Quang Phát, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn, 1973, tr. 196-198.

¹⁵ Nhóm dân Bách Việt ở miền Phúc Kiến (Anthony Trần Văn Kiệm, *Giúp đọc Nôm và Hán Việt, op. cit.*, tr. 617).

¹⁶ Luzon, Phi Luật Tân.

¹⁷ Lẽ ra Tạ Quang Phát phải dùng từ *tabaco* (tiếng Bồ hay tiếng Tây Ban Nha) thay vì *tobacco* (tiếng Anh) thì mới hợp thời.

¹⁸ Bất Tiểu Nguyễn Quốc Bảo tiên sinh bổ túc : « Sử viết lịch sử Yên thảo (thuốc lá) ở Trung Quốc đã có từ Minh Triều, đời Vạn Lịch Tam Niên 萬曆三年 *wàn lì san nián* (1575), yên thảo do từ Lữ Tổng 呂宋 *lǚ sòng* Luzon, trước tiên, truyền nhập vào Đài Loan, Phúc Kiến. Khi Giáo sĩ Dòng Tên Matteo Ricci (tên Hoa ngữ là Lợi Mã Đâu 利瑪竇 *lì mǎ dòu*) từ Macau qua *cư ngụ* ở Quảng Đông (Triệu Khánh 肇慶 *zhào qìng*) lần đầu năm 1582-1583 (có sách viết sai 1579), thì nhân khẩu hút thuốc ở Trung Quốc, trong vòng dưới 10 năm đã tăng khá cao. Như dẫn trong Vân Đài Loại Ngữ của Lê Quý Đôn, năm 1637 (1643?) Sùng Trinh 崇禎 *chóng zhen* có lệnh cấm hút thuốc, và trăm thủ công cộng, trừng phạt buôn bán thuốc trái phép. Về sau, Binh Bộ Thượng Thư Hồng Thừa Trù 承 嚙 卻 *hóng chéng chóu* thượng tấu “Liêu đông sĩ tốt, thị thù nhược mệnh”, quân sĩ Liêu đông ghiền thuốc, nên đạo thư cấm hút thuốc gặp chướng ngại, phải bỏ. Ở Hồ Bắc, khi xuất thổ (đào) Mộ địa đời Đông Hán, có tìm thấy một *Ông điếu hút bằng đồng* ». ĐP NTH thành thật cảm ơn BT NQB tiên sinh đã cho những thông tin này.

¹⁹ Do đó mới gọi là *thuốc Lào*. Như vậy, nếu Lê Quý Đôn nói đúng, dân Đàng Ngoài chỉ được biết thuốc này ít ra là 40 năm sau dân Đàng Trong.

*Ba ngày có thể không ăn,
Hút thì không thể cầm ngăn một giờ.*

Năm Ất-tý niên-hiệu Cảnh-trị thứ 3 (1665) đời vua Lê Huyền Tông, triều-đình đã hai lần xuống lệnh chỉ nghiêm cấm, lùng bắt những người trồng thuốc, bán thuốc và lén hút thuốc²⁰, nhưng rốt cuộc không dứt tuyệt được.

Người ta phần nhiều khoét cột tre làm ống điếu²¹ và tròn điếu sành xuống đất. Tro than thuốc lá lấm lẩn gây thành hỏa hoạn. Lâu dần lệnh cấm bãi bỏ. Nay thì việc hút thuốc lá đã thành thói thông thường.

Gần đây, năm Mậu dần (1758) đời Càn-long nhà Thanh bên Trung-quốc, Ngô Nghi Lạc làm sách *Bổn-thảo tùng tân* đã lấm lẩn liệt thuốc lá vào loại độc-dược (thuốc độc) vì tính của nó cay mà ảm trị được bệnh phong hàn tê thấp trệ khí, ngăn đàm và sơn lam chướng khí. Hơi thuốc lá hút vào miệng thì không theo thường độ, chốc lát chạy khắp thân-thể khiến người ta thấy khoan khoái khắp người. Người ta lấy thuốc lá thay rượu thay trà mà không chán. Cho nên thuốc lá có một tên nữa là *tương tư thảo* (loài cỏ mà người ta tưởng nhớ), nhưng lửa khói hun đốt làm hao huyết tổn thọ mà người ta không tự hiểu biết. »

Thôi, đã kể lể chuyện rồi, tôi mạn phép ngừng viết để ra ngoài vườn hút một điếu thuốc lá.

Saint Avé, ngày 13.1.2009

²⁰ Lệnh này không thấy ghi trong *Đại Việt sử ký toàn thư* và trong *Việt sử thông giám cương mục*.

²¹ Loại điếu này - *điếu cày* - vẫn còn thông dụng.